



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN LIÊN MINH VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
đã được soát xét

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	05 – 08
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	09
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	10 – 11
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu</i>	12
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	13 – 27



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015.

Khái quát

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 44/UBCK-GP ngày 24 tháng 11 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các Giấy phép điều chỉnh như sau: Giấy phép điều chỉnh số 81/GPĐC-UBCK ngày 17/11/2010, Giấy phép điều chỉnh số 85/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2010, Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK ngày 11/06/2013, Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 01/12/2014.

Hoạt động chính của Công ty là: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 10 Abacus Tower, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Bộ phận kiểm soát nội bộ trong kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Chủ tịch	Từ ngày 30/06/2015
Ông Nguyễn Quang Trung	Chủ tịch	Đến ngày 30/06/2015
Ông Tôn Thất Hào	Thành viên	Từ ngày 30/06/2015
Ông Dương Công Ái	Thành viên	Từ ngày 30/06/2015
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên	Đến ngày 30/06/2015
Bà Phạm Thị Mân	Thành viên	Đến ngày 30/06/2015

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Công Ái	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Ban Kiểm soát

Bà Hồ Thị Kim Ánh	Trưởng ban	Từ ngày 30/06/2015
Bà Trương Thị Tuyết Loan	Thành viên	Từ ngày 30/06/2015

Bộ phận kiểm soát nội bộ

Bà Hồ Thị Kim Ánh	Trưởng bộ phận	Từ ngày 09/07/2015
Bà Đoàn Thị Hồng Loan	Trưởng bộ phận	Đến ngày 09/07/2015
Bà Huỳnh Thị Mai Trinh	Thành viên	Từ ngày 09/07/2015

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

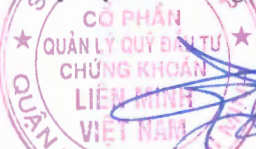
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Dương Công Ái
Tổng Giám đốc

Tp. HCM, ngày 10 tháng 08 năm 2015



Số : 306./BCSX/TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

*Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam*

Kính gửi:

**Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam được lập ngày 10/08/2015 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính này không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán công ty quản lý quỹ hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2014 kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác như sau:

- Dạng ý kiến kiểm toán: Ý kiến chấp nhận toàn phần.
- Ngày lập báo cáo kiểm toán: 21/03/2015.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**



Nguyễn Minh Tiến

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0547-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Kiểm toán viên



Lê Hồng Đào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.398.232.917	40.701.702.230
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27.461.451.303	708.075.895
1. Tiền	111		27.461.451.303	708.075.895
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	36.070.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	36.070.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.936.781.614	3.863.626.335
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	8.550.000.000	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	220.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.4	4.370.137.021	3.539.415.219
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	16.644.593	104.211.116
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	60.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	60.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		201.053.462	228.352.040
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		196.053.462	223.352.040
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	196.053.462	223.352.040
- Nguyên giá	222		2.371.298.683	2.371.298.683
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.175.245.221)	(2.147.946.643)

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5.000.000	5.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.000.000	5.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		40.599.286.379	40.930.054.270

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		25.890.328	2.106.949.597
I. Nợ ngắn hạn	310		25.890.328	286.585.894
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	104.544.000
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.7	25.890.328	36.280.380
5. Phải trả người lao động	315		-	122.479.704
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	23.281.810
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			
II. Nợ dài hạn	330		-	1.820.363.703
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.8	-	1.820.363.703
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.9	40.573.396.051	38.823.104.673
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(9.426.603.949)	(11.176.895.327)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		40.599.286.379	40.930.054.270

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		741.442.372	741.442.372
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005		105,12	105,06
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		-	-
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		-	-
6.2. Chứng khoán tạm dừng giao dịch	008		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013		-	-
6.8. Chứng khoán quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	V.10	666.515.440	1.234.640.546
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		666.515.440	1.234.640.546
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.11	1.457.966.389.098	1.512.666.713.616
9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		1.457.966.389.098	1.512.666.713.616
9.1 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	041		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	V.12	14.994.024.000	587.548.800
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.13	4.374.037.021	3.539.735.219

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Võ Thị Huỳnh Nhi

Võ Thị Huỳnh Nhi

Dương Công Ái

Tp. HCM, ngày 10 tháng 08 năm 2015



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu	01	VI.1	3.696.936.123	486.983.693
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		3.696.936.123	486.983.693
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.2	258.107.220	219.911.330
5. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh	20		3.438.828.903	267.072.363
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	96.333.741	301.479.357
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	967.882.000	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	664.489.266	1.514.468.757
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.902.791.378	(945.917.037)
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32	VI.6	152.500.000	3.799.776
12. Lợi nhuận khác	40		(152.500.000)	(3.799.776)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.750.291.378	(949.716.813)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.750.291.378	(949.716.813)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	350	(190)

Người lập biểu



Võ Thị Huỳnh Nhi

Kế toán trưởng



Võ Thị Huỳnh Nhi

Tổng Giám đốc



Dương Công Ái

Tp. HCM, ngày 10 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.866.214.322	59.754.891
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(2.381.279.553)	(103.701.110)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(662.104.218)	(548.592.241)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.584.989.500	47.746.010
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.649.386.000)	(135.450.477)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(241.565.949)	(680.242.927)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.070.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.823.000.000)	(20.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.568.000.000	20.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		179.941.357	389.078.213
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26.994.941.357	389.078.213
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		26.753.375.408	(291.164.714)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		708.075.895	469.627.179
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	27.461.451.303	178.462.465

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Võ Thị Huỳnh Nhi

Võ Thị Huỳnh Nhi

Tp. HCM, ngày 10 tháng 08 năm 2015



Dương Công Ái

03052
CỔ
TRÁCH
DỊCH
TÀI CH
VÀ
NA
4N 1-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	Kỳ này 01/01/2015	Kỳ trước 01/01/2014	Kỳ này		Kỳ trước		Kỳ này 30/06/2015	Kỳ trước 30/06/2014
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	(11.176.895.327)	(13.690.793.500)	1.750.291.378	-	-	949.716.813	(9.426.603.949)	(14.640.510.313)
Cộng	38.823.104.673	36.309.206.500	-	-	-	949.716.813	40.573.396.051	35.359.489.687

(*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

- Giảm trong kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 là do kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ bị lỗ.
- Tăng trong kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 là do kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ lãi.

Người lập biểu



Võ Thị Huỳnh Nhi

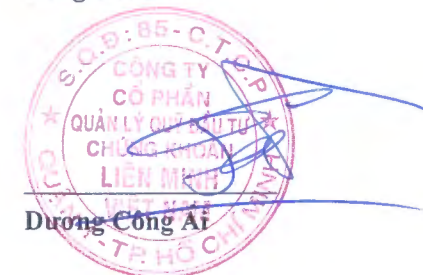
Tp. HCM, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng



Võ Thị Huỳnh Nhi

Tổng Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 44/UBCK-GP ngày 24 tháng 11 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các Giấy phép điều chỉnh như sau: Giấy phép điều chỉnh số 81/GPĐC-UBCK ngày 17/11/2010, Giấy phép điều chỉnh số 85/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2010, Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK ngày 11/06/2013, Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 01/12/2014.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 10 Abacus Tower, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán và quy định tại Luật kế toán, Nghị định 129/2004/NĐ-CP ngày 31/05/2004 của Chính phủ, chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Kế toán trên máy tính.

C.T.I.
HẠN
ÁN
TOÁN
VN
T
CHÍ MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Công ty có tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 30/06/2015 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn được đánh giá giá trị hợp lý theo giá trị ghi sổ.

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phản công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động nghiệp vụ: Được xác định theo các loại sau:

- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán: là khoản thu về phí Công ty quản lý quỹ được hưởng từ hoạt động quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán: Là khoản phí Công ty quản lý Quỹ được hưởng từ việc quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư ủy thác;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Doanh thu từ phí thường hoạt động: Là khoản tiền thường Công ty quản lý quỹ được hưởng khi tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán, giá trị danh mục ủy thác đầu tư cho Công ty quản lý tăng cao hơn so với một tỷ lệ tham chiếu được nhà đầu tư chấp thuận;

- Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán: Là khoản phí công ty quản lý quỹ được hưởng từ việc tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

9. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

10. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả trước, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

11. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	10.668.804	24.878.563
Tiền gửi ngân hàng	27.450.782.499	683.197.332
Cộng	27.461.451.303	708.075.895

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Tiền gửi	-	27.070.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát Triển TP HCM (Tiền gửi tiết kiệm 12 tháng)	-	27.070.000.000
b) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	-	9.000.000.000
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Bản Việt (900.000 cổ phiếu)	-	9.000.000.000
Cộng	-	36.070.000.000

3. Phải thu khách hàng

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu ông Nguyễn Phúc Vĩnh Đại (chuyển nhượng cổ phần)	8.550.000.000	-
Phải thu khách hàng khác	-	-
Cộng	8.550.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	4.370.137.021	3.539.415.219
- Ông Nguyễn Minh Trí	-	30.240.773
- Ngân hàng TMCP Phát Triển TP HCM	4.370.137.021	3.509.174.446
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	-	-
Cộng	4.370.137.021	3.539.415.219

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	-	83.607.616
Bà Trần Dương Ngọc Thảo	-	20.603.500
Phải thu Bảo hiểm xã hội	16.644.593	-
Cộng	16.644.593	104.211.116

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình			
Số dư đầu năm	550.934.980	1.820.363.703	2.371.298.683
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	550.934.980	1.820.363.703	2.371.298.683
Giá trị đã hao mòn			
Số dư đầu năm	327.582.940	1.820.363.703	2.147.946.643
Khấu hao trong kỳ	27.298.578	-	27.298.578
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	354.881.518	1.820.363.703	2.175.245.221
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình			
Tại ngày đầu năm	223.352.040	-	223.352.040
Tại ngày cuối kỳ	196.053.462	-	196.053.462

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.820.363.703 đồng.

4-C.T.
TY
ƯU HẠN
VĂN
TOÁN
DÂN
ỆT
CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế thu nhập cá nhân	25.890.328	36.280.380
Các khoản thuế khác	-	-
Cộng	25.890.328	36.280.380

8. Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH Tin Học & TM Hồng Cơ (hệ thống IT)	-	1.820.363.703
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	-	-
Cộng	-	1.820.363.703

9. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
3. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
6. LN sau thuế chưa phân phối	(11.176.895.327)	1.750.291.378	-	(9.426.603.949)
Cộng	38.823.104.673	1.750.291.378	-	40.573.396.051



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015 VND	%	01/01/2015 VND	%
Ông Phạm Văn Đầu	26.000.000.000	52,00%	26.000.000.000	52,00%
Ông Tôn Thất Hào	2.000.000.000	4,00%	2.000.000.000	4,00%
Bà Lê Thị Thảo Bạch	2.450.000.000	4,90%	2.450.000.000	4,90%
Ông Hà Công Thức	2.450.000.000	4,90%	2.450.000.000	4,90%
Ông Phạm Hữu Hòa	2.250.000.000	4,50%	2.250.000.000	4,50%
Bà Võ Thị Lai	2.000.000.000	4,00%	2.000.000.000	4,00%
Bà Ngô Thị Thu Thảo	2.450.000.000	4,90%	2.450.000.000	4,90%
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	2.450.000.000	4,90%	2.450.000.000	4,90%
Bà Hồ Thị Kim Ánh	2.250.000.000	4,50%	2.250.000.000	4,50%
Ông Nguyễn Trường Thành	2.450.000.000	4,90%	2.450.000.000	4,90%
Ông Dương Công Ái	2.250.000.000	4,50%	2.250.000.000	4,50%
Bà Trương Thị Tuyết Loan	1.000.000.000	2,00%	1.000.000.000	2,00%
Cộng	50.000.000.000	100%	50.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN LIÊN MINH VIỆT NAM**

Tầng 10 Abacus Tower, số 58 Nguyễn Đình Chiểu,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
a) Ông Nguyễn Minh Trí		
Số dư đầu kỳ	64.335.368	65.744.820
Số tăng trong kỳ	256.796	361.750
- Lãi từ tiền gửi của NĐT	256.796	361.750
- Cổ tức được nhận	-	-
Số giảm trong kỳ	1.975.000	669.401
- Phí quản lý tài khoản, phí khác	1.975.000	669.401
- Phí phân bổ chứng khoán	-	-
Số dư cuối kỳ	62.617.164	65.437.169
b) Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM		
Số dư đầu kỳ	1.170.305.178	-
Số tăng trong kỳ	25.236.950.626	13.635.668.000
- Lãi từ tiền gửi của NĐT	8.531.666	-
- Duy trì tài khoản	-	5.000.000
- Cổ tức được nhận	25.228.418.960	13.630.668.000
Số giảm trong kỳ	25.803.357.528	-
- Phí quản lý tài khoản, phí khác	441.728	-
- Rút cổ tức	24.912.690.800	-
- Mua cổ phiếu SHI	890.225.000	-
Số dư cuối kỳ	603.898.276	13.635.668.000
Tổng công số dư cuối kỳ	666.515.440	13.701.105.169

1.0305
C
TRÁCH
DỊCH
TÀI C
VÀ
N.
AN 1.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	30/06/2015				01/01/2015			
	Số lượng	Giá trị đầu tư (VND)	Giá trị thị trường (VND)	Tăng/(giảm) so với giá trị đầu tư (VND)	Số lượng	Giá trị đầu tư (VND)	Giá trị thị trường (VND)	Tăng/(giảm) so với giá trị đầu tư (VND)
a) Nhà đầu tư ủy thác trong nước	84.448.463	1.457.966.389.098	1.475.387.069.300	17.420.680.202	89.143.012	1.512.666.713.616	1.284.224.101.300	(228.442.612.316)
Cổ phiếu niêm yết	84.448.463	1.457.966.389.098	1.475.387.069.300	17.420.680.202	89.143.012	1.512.666.713.616	1.284.224.101.300	(228.442.612.316)
- ITA	28.600	335.502.500	185.900.000	(149.602.500)	28.600	335.502.500	228.800.000	(106.702.500)
- VCB	9	209.739	439.200	229.461	9	209.739	287.100	77.361
- CTG	14.994.015	267.899.003.716	287.885.088.000	19.986.084.284	14.994.015	267.899.003.716	206.917.407.000	(60.981.596.716)
- ACB	32.190.000	515.040.000.000	659.895.000.000	144.855.000.000	32.190.000	515.040.000.000	495.726.000.000	(19.314.000.000)
- EIB	34.076.670	579.303.390.000	442.996.710.000	(136.306.680.000)	34.076.670	579.303.390.000	436.181.376.000	(143.122.014.000)
- BID	8	132.698	176.800	44.102	2.713.318	45.006.348.330	34.459.138.600	(10.547.209.730)
- TDH	468.853	5.839.351.000	7.876.730.400	2.037.379.400	426.230	5.308.500.909	8.268.862.000	2.960.361.091
- SMC	990.228	12.377.850.000	8.515.960.800	(3.861.889.200)	990.228	12.377.850.000	10.595.439.600	(1.782.410.400)
- SHI	1	4.753	11.900	7.147	1.958.496	9.309.417.729	14.688.720.000	5.379.302.271
- BTT	-	-	-	-	135.000	3.982.500.000	5.130.000.000	1.147.500.000
- REE	701.820	20.377.279.509	18.878.958.000	(1.498.321.509)	701.820	20.377.279.509	19.791.324.000	(585.955.509)
- FPT	533.853	23.513.313.991	24.770.779.200	1.257.465.209	464.220	20.446.359.992	22.282.560.000	1.836.200.008
- PVD	464.406	33.280.351.192	24.381.315.000	(8.899.036.192)	464.406	33.280.351.192	29.954.187.000	(3.326.164.192)
Cổ phiếu không niêm yết	-	-	-	-	-	-	-	-
b) Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	84.448.463	1.457.966.389.098	1.475.387.069.300	17.420.680.202	89.143.012	1.512.666.713.616	1.284.224.101.300	(228.442.612.316)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu cổ tức (Mã SHI)	-	587.548.800
Phải thu cổ tức (Mã CTG)	14.994.015.000	-
Phải thu cổ tức (Mã VCB)	9.000	-
Cộng	14.994.024.000	587.548.800

13. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Ông Nguyễn Minh Trí	-	8.099.996
Ngân hàng TMCP Phát Triển TP HCM	4.374.037.021	3.531.635.223
Cộng	4.374.037.021	3.539.735.219

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	3.696.936.123	486.983.693
Doanh thu khác	-	-
Cộng	3.696.936.123	486.983.693

2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	258.107.220	219.911.330
Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	-	-
Cộng	258.107.220	219.911.330

C.T. Y
 ĐU HAN
 VẤN
 TOÁN
 DÂN
 ỆT
 CHÍ M

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	96.333.741	121.479.357
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	180.000.000
Cộng	96.333.741	301.479.357

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lỗ bán chứng khoán	967.882.000	-
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	967.882.000	-

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nhân viên	441.720.461	462.990.327
Chi phí công cụ dụng cụ, văn phòng phẩm	61.519.883	-
Chi phí khấu hao	27.298.578	209.334.948
Thuế, phí lệ phí	-	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	741.442.372
Chi phí bằng tiền khác	133.950.344	97.701.110
Cộng	664.489.266	1.514.468.757

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	145.000.000	-
Chi phí khác	7.500.000	3.799.776
Cộng	152.500.000	3.799.776

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác định với thuế suất là 22% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.750.291.378	(949.716.813)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(1.750.291.378)	2.036.370
- Các khoản điều chỉnh tăng	152.500.000	182.036.370
+ Chi phí không hợp lệ	152.500.000	182.036.370
+ Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.902.791.378	180.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	180.000.000
+ Chuyển lỗ từ các năm trước	1.902.791.378	-
Tổng thu nhập chịu thuế	-	(947.680.443)
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.750.291.378	(949.716.813)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.750.291.378	(949.716.813)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	350	(190)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan khác. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Ông Tôn Thất Hào	Cổ đông	Tạm ứng	169.000.000
		Hoàn tạm ứng	168.000.000
Ông Dương Công Ái	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	33.800.000
		Hoàn tạm ứng	79.800.000

Cho đến cuối kỳ, không còn các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2.1 Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

2.2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán nên không trình bày báo cáo bộ phận

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 đã được soát xét bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCs). Trong đó, chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán: Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (nhà đầu tư ủy thác trong nước) đã được trình bày lại theo giá trị ghi sổ kế toán như sau:

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu ngoài bảng Cân đối kế toán	Số liệu 31/12/2014 (trước trình bày lại)	Số liệu 31/12/2014 (sau trình bày lại)	Chênh lệch tăng/(giảm)
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	1.284.224.101.300	1.512.666.713.616	228.442.612.316
9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	1.284.224.101.300	1.512.666.713.616	228.442.612.316
9.1 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-	-

Người lập biểu

Võ Thị Huỳnh Nhi

Tp. HCM, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng

Võ Thị Huỳnh Nhi

Tổng Giám đốc



Dương Công Ái

